

CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BQLDA3-ĐHDA3

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

V/v đăng ký đăng thông tin mời
báo giá tìm hiểu thị trường Dự án
xây dựng hệ thống thông tin phục
vụ quản lý nhà nước của Cục
Đường bộ Việt Nam

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

*Căn cứ Công văn số 08081/CV-EBIT ngày 08/8/2025 của Công ty Cổ phần
tư vấn EBIT về việc đề nghị hỗ trợ đăng tải báo giá phục vụ dự án “Xây dựng hệ
thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước của Cục Đường bộ Việt Nam”.*

Ban Quản lý dự án 3 kính đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam cho phép đăng
tải thông tin mời báo giá tìm hiểu thị trường Dự án xây dựng hệ thống thông tin
phục vụ quản lý nhà nước của Cục Đường bộ Việt Nam trên trang thông tin điện
tử của Cục ĐBVN với nội dung như sau:

1. Nội dung: Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần
cung cấp theo bảng Phụ lục chi tiết kèm theo.

2. Thời gian tiếp nhận báo giá: Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp/cung ứng
tiềm năng gửi báo giá trước 17h ngày 18/8/2025.

3. Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp/cung ứng
tiềm năng quan tâm gửi báo giá bản gốc (ký đóng dấu của người đại diện theo
pháp luật) về Ban Quản lý dự án 3, địa chỉ: Tổ 23, phường Lĩnh Nam, quận
Hoàng Mai, Hà Nội; bản mềm (scan) gửi theo hộp thư điện tử
toqldaduancntt@gmail.com (Thông tin liên hệ Ông Vũ Hoàng Gia, Chuyên viên
phòng Điều hành dự án 3, Số điện thoại: 0978.688.310).

*(Gửi kèm theo Mẫu 01- Phụ lục phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng
hóa, dịch vụ cần cung cấp và Mẫu 02- Báo giá phục vụ Dự án Xây dựng hệ
thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước của Cục Đường bộ Việt Nam)*

Ban Quản lý dự án 3 kính đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐHDA3(V.H.Gia).

GIÁM ĐỐC

Đào Văn Bình

Mẫu 01 – Phụ lục phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần cung cấp

Danh mục thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
1	<i>Máy chủ vật lý dùng ảo hóa</i>	3	<i>Bộ</i>
	- Form factor: Rack		
	- CPU: 2 x Intel Xeon (20C/40, 2GHz) hoặc tương đương		
	- RAM: 256 GB, support up to 1.5TB		
	- SSD: 5 x 1.6 TB		
	- HDD: 4 x 600 GB (SAS $\geq$ 10 Krpm)		
	- Interface: 06 port 1Gbps RJ45, 2 x 10G kèm SFP transceiver		
	- RAID: 0, 1, 5, 6		
	- Cổng quản trị: qua iDRAC hoặc iLO		
	- Tính năng bảo mật: Hỗ trợ tính năng mã hóa dữ liệu trên đĩa cứng, bảo mật vùng khởi động (Secure Boot), xóa an toàn (Secure Erase), TPM 2.0 FIPS		
	- Nguồn: 02 nguồn, hot-plug, redundant. Xoay chiều		
	- Bảo hành 3 năm		
	- Các thiết bị máy chủ ảo hóa và thiết bị lưu trữ cùng hãng sản xuất		
	- Nhà sản xuất/Nhãn hiệu: G7 hoặc EU		
2	<i>Thiết bị chuyển mạch</i>	2	<i>Bộ</i>
	- Form factor: Rack		

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
	-24 x 10/100/1000 Mbps RJ-45, uplink 4 x 10G SFP+, trong đó bao gồm 8 x 10G SFP transceiver		
	- Stacking: có tính năng/ công nghệ Stack hoặc tương đương		
	- Memory/RAM: ≥ 4 GB		
	- Flash/Storage: ≥ 8 GB		
	- Switch capacity: ≥ 300 Gbps		
	- Throughput/Forwarding rate: ≥ 244 Mpps		
	- Hỗ trợ giao thức: static route, RIP, OSPF, VLAN, 802.3ad (LACP), 802.1x		
	- Tính năng:		
	+ Có thiết kế mô-đun, cho phép xử lý nhiều tiến trình độc lập		
	+ Có khả năng lưu trữ cấu hình tạm thời trước khi kích hoạt các cấu hình này. Cấu hình tạm thời chỉ có tác dụng khi người quản trị kích hoạt		
	+ Hỗ trợ cơ chế rollback tối thiểu 49 cấu hình gần nhất		
	+ Hỗ trợ tính năng tự động rollback lại cấu hình gần nhất sau một thời gian được định trước		
	- Power: ≥ 02 nguồn AC, redundant		
	- Bảo hành 3 năm		
	- Hãng sản xuất: Hãng sản xuất nằm trong nhóm Leader Gartner Magic Quadrant Enterprise for Enterprise Wired and Wireless LAN Infrastructure ít nhất 1 lần từ năm 2024 đến hiện		

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
	tại		
	- Nhà sản xuất/Nhãn hiệu: G7 hoặc EU		
3	<i>Thiết bị tường lửa</i>	2	Bộ
	- Form factor: Rack		
	-Số cổng: ≥ 8 cổng 1Gbps RJ45 ≥ 2 x SFP fiber (chưa bao gồm module quang) ≥ 4 cổng 10GE SFP+ fiber (đã bao gồm 2 x 10G SFP+ transceiver) ≥ 2 x USB		
	- NGFW/ Firewall (HTTP/appmix) Throughput: ≥ 5 Gbps		
	- Throughput FW IMIX: ≥ 16 Gbps		
	- IPS throughput: ≥ 6 Gbps		
	- Threat Protection/ Prevention Throughput: ≥ 5 Gbps		
	- Có tính năng: + Hỗ trợ trang quản trị cho người dùng cuối User Portal + Hỗ trợ giải mã lưu lượng TLS 1.3 mà không hạ bậc giao thức + Hỗ trợ Single Sign-On, VPN site-to-site, Zero-Touch deployment + Hỗ trợ giao thức: Static routing, RIP, BGP, OSPF, 802.3ad + Tính năng SD-WAN: Hỗ trợ nhiều kết nối		

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
	WAN, các tùy chọn bao gồm DSL, LTE/Cellular, MPLS hoặc VDSL + Hỗ trợ Route-based VPN + Hỗ trợ công nghệ VPN với thiết bị kết nối Ethernet từ xa		
	- Tính bảo mật: + Hỗ trợ phòng chống xâm nhập mạng (IPS) + Hỗ trợ phát hiện mã độc sử dụng nhiều AV engine + Hỗ trợ cơ sở dữ liệu bộ lọc URL với nhiều loại trang web + Hỗ trợ đánh giá mức độ nguy hại của người dùng (UTQ) + Công nghệ kết hợp giữa Firewall và endpoint cùng hãng để phòng chống lại mối đe dọa nâng cao		
	- Nguồn: ≥ 02 nguồn, redundant		
	- Bảo hành 3 năm		
4	<i>Thiết bị cân bằng tải (Loadblancer)</i>	<i>1</i>	<i>Bộ</i>
	- Số cổng: 16 x 1 Gbps RJ45 đi kèm 4 x 10G SFP Transceiver		
	- CPU: tối thiểu 4 Core hoặc tương đương		
	- Memory/RAM: ≥ 32 GB		
	- Flash/Storage: ≥ 2 x 1TB HDD		
	- L7 throuhput: ≥ 15 Gbps		
	- L4 throuhput: ≥ 15 Gbps		
	- L7 requests per second: $\geq 1,000,000$		

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
	- L4 requests per second: $\geq 2,000,000$		
	- Bulk encryption hoặc SSL Throughput: ≥ 10 Gbps		
	- SSL TPS (2K Keys): $\geq 15,000$		
	- Tính năng quản trị: + Web User Interface (WUI), SSH, RESTful, PowerShell APIs + Hiển thị theo thời gian thực hiệu năng và tính sẵn sàng của ứng dụng + Hỗ trợ triển khai ứng dụng thông qua templates + Hỗ trợ chuẩn đoán sự cố với in-line tcpdump		
	- Hỗ trợ cơ chế: Round Robin, Least Connection, Layer 7 Content Switching, Weighted Least Connection		
	- Thiết bị có khả năng cấu hình hoạt động như một bộ thu thập data dạng NetFlow và IPFIX để gửi dữ liệu tới bộ lưu trữ dữ liệu cho mục đích phân tích, giám sát mạng và hành vi người dùng		
	- Nguồn: ≥ 02 nguồn, redundant		
	- Bảo hành 3 năm		
5	<i>Thiết bị lưu trữ</i>	2	<i>Bộ</i>
	- Form factor: Rack		
	- Bộ điều khiển (Controller): dual controllers		
	- Giao diện: $\geq 4 \times 10$ Gbps đi kèm SFP+ transceiver		
	- Dung lượng ổ cứng SAS (tối thiểu 10 Krpm) ≥ 24 ổ 2.4TB, support up to 276 drive		

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị tính
	- Management ports: 100/1000 Ethernet (RJ-45)		
	- Management access: GUI hoặc CLI		
	- Giao thức hỗ trợ kết nối: iSCSI, SAS, FC		
	- RAID support: 0, 1, 5, 6, 10 or ADAPT RAID		
	- Tính năng: Thin Provision, Snapshot + Self-encrypting drives (SEDs) in SSD or HDD formats + Full Disk Encryption (FDE) based on AES-256 + Drives certified to FIPS 140-2 Level 2		
	- Nguồn: ≥ 02 nguồn, redundant		
	- Bảo hành 3 năm		
	- Các thiết bị máy chủ ảo hóa và thiết bị lưu trữ cùng hãng sản xuất		
	- Nhà sản xuất/Nhãn hiệu: G7 hoặc EU		
6	<i>License ảo hóa</i>	<i>120</i>	<i>Core</i>
	Bản quyền phần mềm ảo hóa máy chủ - 3 years		
7	<i>Gói phụ kiện triển khai</i>	<i>1</i>	<i>Gói</i>
	Phụ kiện triển khai: Dây mạng, lạt buộc, băng dính điện, Label...		
	Tổng Cộng		

Mẫu 02 – Báo giá phục vụ Dự án Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước của Cục Đường bộ Việt Nam

Công ty
Địa chỉ, số điện thoại liên hệ

BÁO GIÁ DỰ ÁN
XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Kính gửi: Ban Quản lý dự án 3

Phúc đáp yêu cầu của Quý cơ quan về việc đề nghị cung cấp báo giá hệ thống phần mềm, trang thiết bị, Công ty chúng tôi xin trân trọng gửi Quý cơ quan bảng báo giá về hàng hóa, dịch vụ như sau:

Danh mục sản phẩm, dịch vụ:

Đơn vị tính: VND

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất xứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Máy chủ vật lý dùng ảo hóa	- Form factor: Rack - CPU: 2 x Intel Xeon (20C/40, 2GHz) hoặc tương đương - RAM: 256 GB, support up to 1.5TB - SSD: 5 x 1.6 TB		3	Bộ				

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất sứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		- HDD: 4 x 600 GB (SAS ≥ 10 Krpm) - Interface: 06 port 1Gbps RJ45, 2 x 10G kèm SFP transceiver - RAID: 0, 1, 5, 6 - Cổng quản trị: qua iDRAC hoặc iLO - Tính năng bảo mật: Hỗ trợ tính năng mã hóa dữ liệu trên đĩa cứng, bảo mật vùng khởi động (Secure Boot), xóa an toàn (Secure Erase), TPM 2.0 FIPS - Nguồn: 02 nguồn, hot-plug, redundant. Xoay chiều - Bảo hành 3 năm - Các thiết bị máy chủ ảo hóa và thiết bị lưu trữ cùng hãng sản xuất - Nhà sản xuất/Nhãn hiệu: G7 hoặc EU							

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất xứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
2	Thiết bị chuyển mạch	- Form factor: Rack -24 x 10/100/1000 Mbps RJ-45, uplink 4 x 10G SFP+, trong đó bao gồm 8 x 10G SFP transceiver - Stacking: có tính năng/công nghệ Stack hoặc tương đương - Memory/RAM: ≥ 4 GB - Flash/Storage: ≥ 8 GB - Switch capacity: ≥ 300 Gbps - Throughput/Forwarding rate: ≥ 244 Mpps - Hỗ trợ giao thức: static route, RIP, OSPF, VLAN, 802.3ad (LACP), 802.1x - Tính năng: + Có thiết kế mô-đun, cho phép xử lý nhiều tiến trình độc lập + Có khả năng lưu trữ cấu hình tạm thời trước		2	Bộ				

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất sứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		khi kích hoạt các cấu hình này. Cấu hình tạm thời chỉ có tác dụng khi người quản trị kích hoạt + Hỗ trợ cơ chế rollback tối thiểu 49 cấu hình gần nhất + Hỗ trợ tính năng tự động rollback lại cấu hình gần nhất sau một thời gian được định trước - Power: $\geq$ 02 nguồn AC, redundant - Bảo hành 3 năm - Hãng sản xuất: Hãng sản xuất nằm trong nhóm Leader Gartner Magic Quadrant Enterprise for Enterprise Wired and Wireless LAN Infrastructure ít nhất 1 lần từ năm 2024 đến hiện tại - Nhà sản xuất/Nhãn							

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất sứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		hiệu: G7 hoặc EU							
3	Thiết bị tường lửa	- Form factor: Rack "-Số cổng: ≥ 8 cổng 1Gbps RJ45 ≥ 2 x SFP fiber (chưa bao gồm module quang) ≥ 4 cổng 10GE SFP+ fiber (đã bao gồm 2 x 10G SFP+ transceiver) ≥ 2 x USB" - NGFW/ Firewall (HTTP/appmix) Throughput: ≥ 5 Gbps - Throughput FW IMIX: ≥ 16 Gbps - IPS throughput: ≥ 6 Gbps - Threat Protection/ Prevention Throughput: ≥ 5 Gbps "- Có tính năng: + Hỗ trợ trang quản trị cho người dùng cuối		2	Bộ				

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất sứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		User Portal + Hỗ trợ giải mã lưu lượng TLS 1.3 mà không hạ bậc giao thức + Hỗ trợ Single Sign-On, VPN site-to-site, Zero-Touch deployment + Hỗ trợ giao thức: Static routing, RIP, BGP, OSPF, 802.3ad + Tính năng SD-WAN: Hỗ trợ nhiều kết nối WAN, các tùy chọn bao gồm DSL, LTE/Cellular, MPLS hoặc VDSL + Hỗ trợ Route-based VPN + Hỗ trợ công nghệ VPN với thiết bị kết nối Ethernet từ xa" "- Tính bảo mật: + Hỗ trợ phòng chống xâm nhập mạng (IPS) + Hỗ trợ phát hiện mã							

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất xứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		độc sử dụng nhiều AV engine + Hỗ trợ cơ sở dữ liệu bộ lọc URL với nhiều loại trang web + Hỗ trợ đánh giá mức độ nguy hại của người dùng (UTQ) + Công nghệ kết hợp giữa Firewall và endpoint cùng hãng để phòng chống lại mối đe dọa nâng cao" - Nguồn: ≥ 02 nguồn, redundant - Bảo hành 3 năm							
4	Thiết bị cân bằng tải (Loadblancer)	- Số cổng: 16 x 1 Gbps RJ45 đi kèm 4 x 10G SFP Transceiver - CPU: tối thiểu 4 Core hoặc tương đương - Memory/RAM: ≥ 32 GB - Flash/Storage: ≥ 2 x		1	Bộ				

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất sứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		1TB HDD - L7 throuhput: ≥ 15 Gbps - L4 throuhput: ≥ 15 Gbps - L7 requests per second: $\geq 1,000,000$ - L4 requests per second: $\geq 2,000,000$ - Bulk encryption hoặc SSL Throughput: ≥ 10 Gbps - SSL TPS (2K Keys): $\geq 15,000$ "- Tính năng quản trị: + Web User Interface (WUI), SSH, RESTful, PowerShell APIs + Hiện thị theo thời gian thực hiệu năng và tính sẵn sàng của ứng dụng + Hỗ trợ triển khai ứng dụng thông qua templates + Hỗ trợ chuẩn đoán sự							

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất sứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		cố với in-line tcpdump" - Hỗ trợ cơ chế: Round Robin, Least Connection, Layer 7 Content Switching, Weighted Least Connection - Thiết bị có khả năng cấu hình hoạt động như một bộ thu thập data dạng NetFlow và IPFIX để gửi dữ liệu tới bộ lưu trữ dữ liệu cho mục đích phân tích, giám sát mạng và hành vi người dùng - Nguồn: ≥ 02 nguồn, redundant - Bảo hành 3 năm							
5	Thiết bị lưu trữ	- Form factor: Rack - Bộ điều khiển (Controller): dual controllers - Giao diện: ≥ 4 x 10Gbps đi kèm SFP+ transceiver		2	Bộ				

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất sứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		- Dung lượng ổ cứng SAS (tối thiểu 10 Krpm) ≥ 24 ổ 2.4TB, support up to 276 drive - Management ports: 100/1000 Ethernet (RJ-45) - Management access: GUI hoặc CLI - Giao thức hỗ trợ kết nối: iSCSI, SAS, NFS, SMB, WebDAV - RAID support: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60 or ADAPT RAID - Tính năng: Thin Provision, Snapshot, Compress + Self-encrypting drives (SEDs) in SSD or HDD formats + Full Disk Encryption (FDE) based on AES-256 + Drives certified to FIPS							

Stt	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu hoặc tương đương)	Xuất xứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị sau thuế
		140-2 Level 2 - Nguồn: ≥ 02 nguồn, redundant - Bảo hành 3 năm							
6	License ảo hóa	Bản quyền phần mềm ảo hóa máy chủ - 3 years		120	Core				
7	Gói phụ kiện triển khai	Phụ kiện triển khai: Dây mạng, lạt buộc, băng dính điện, Label...		1	Gói				
	TỔNG CỘNG								
(Bảng chữ)									

Đề xuất của đơn vị cung cấp báo giá (nếu có)

(Đơn vị cung cấp báo giá có thể đề xuất các công nghệ hiện đại về lưu trữ, kết nối ... đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật của dự án;
thời gian giao hàng phù hợp với tình hình thực tế)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Điều khoản thương mại:

- Hiệu lực: Báo giá có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát hành.
- Thời gian bàn giao hàng hóa:
 - o Ngày giao hàng sớm nhất: 20 ngày kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng.
 - o Ngày giao hàng muộn nhất: 60 ngày kể từ kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng.
- Giá nêu trên đã bao gồm toàn bộ các khoản: thuế, phí các loại và vận chuyển, bàn giao đến địa điểm Bên mua (*Cục Đường Bộ Việt Nam, Ô D20 KĐT mới Cầu Giấy, Đường Tôn Thất Thuyết, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội*) bảo hành, thay thế sản phẩm lỗi nếu có.
- Bảo hành: Hàng hóa được bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận bàn giao.
- Báo giá bản gốc của chúng tôi được gửi đến Ban Quản lý dự án 3: Theo đường chuyển phát nhanh đến địa chỉ: Tổ 23 phường Lĩnh Nam, Thành phố Hà Nội .
- Theo đường thư điện tử, Email:
 - o Email Ban QLDA3: toqldaduancntt@gmail.com (Thông tin liên hệ Ông Vũ Hoàng Gia, Chuyên viên Phòng điều hành dự án 3, Số điện thoại: 0978.688.310).
 - o Email Cty Tư vấn EBIT: ebit0909@gmail.com (Thông tin liên hệ Ông Đào Xuân Huy, Chuyên viên, Số điện thoại: 0866.088.225).

Rất mong được hợp tác với Quý cơ quan!

....., ngày.....tháng..... năm 2025

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CUNG CẤP
(Ký, đóng dấu, đóng dấu giáp lai các trang báo giá)